

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26-3-2025

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thanh Vân.

2. Ông Nguyễn Văn Tư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 289/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lê Văn T1**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà **Dương Thị Mỹ T2**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện, ý kiến của nguyên đơn – ông Lê Văn T1

Năm 1990 ông Lê Văn T1 và bà Dương Thị Mỹ T2 tự nguyện kết hôn, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới. Đến ngày 06 tháng 01 năm 2014 mới đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống; thiếu sự quan tâm, tôn trọng nhau, không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2024 đến nay. Ông T1 nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên ông T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Ông Lê Văn T1 yêu cầu ly hôn bà Dương Thị Mỹ T2

- Về con chung: Ông T1 và bà T2 có hai người con chung là Lê Xuân T3, sinh ngày 10/02/1993, giới tính: nam và Lê Trọng N, sinh ngày 07/7/1999, giới tính: nam. Hai người con chung đều đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Yêu cầu, ý kiến của bị đơn – bà Dương Thị Mỹ T2

Bà Dương Thị Mỹ T2 và ông Lê Văn T1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Long An như ông T1 đã khai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 4 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T1 không quan tâm đến gia đình, thường xuyên vắng nhà, có biểu hiện không chung thủy nên vợ chồng cãi vã và ông T1 về nhà mẹ ruột và vào cơ quan ở, không về nhà nên vợ chồng không gặp nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2024 đến nay. Bà T2 không đồng ý ly hôn vì bà muốn con có cha, cháu có ông. Nếu ông T1 vẫn kiên quyết ly hôn với bà thì ông T1 phải để lại hết tài sản chung của vợ chồng cho hai người con chung thì bà T2 sẽ đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Bà T2 và ông T1 có hai người con chung là Lê Xuân T3, sinh ngày 10/02/1993, giới tính: nam và Lê Trọng N, sinh ngày 07/7/1999, giới tính: nam. Hai người con chung đều đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung. Bà sẽ để lại toàn bộ tài sản cho hai người con chung.

- Về nợ chung: Bà T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự nhưng bà T2 không ký biên bản hòa giải, xin vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

- Ý kiến của ông Lê Văn T1: Ông T1 xác định mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, ông không còn tình cảm vợ chồng với bà T2 kéo dài cuộc hôn nhân không hạnh phúc với bà T2 sẽ gây thêm áp lực về tinh thần cho ông nên ông T1 kiên quyết đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ông được ly hôn với bà T2. Về

con chung: Hai người con chung đều đã trên 18 tuổi nên ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của bà Dương Thị Mỹ T2: Bà T2 xác định quá trình kết hôn, sống chung, con chung như ông T1 trình bày. Mâu thuẫn vợ chồng không lớn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2024 đến nay. Bà vẫn còn tình cảm với ông T1 và muốn vợ chồng có cơ hội chăm sóc nhau khi tuổi già nên bà T2 không đồng ý ly hôn. Về con chung: Hai người con chung đều đã trên 18 tuổi nên bà T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: bà T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến trước khi xét xử Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm phán xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thông báo về việc thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và các đương sự, yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo quy định tại các Điều 196, 198, 209, 210, 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thu thập chứng cứ: Thực hiện đúng quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc cấp, tổng đạt, giao văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ đảm bảo theo quy định của pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử: Đảm bảo thực hiện đúng quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa ông Lê Văn T1 và bà Dương Thị Mỹ T2 đã có mâu thuẫn đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông T1 được ly hôn bà T2

+ Về con chung: Ông T1 và bà T2 có hai người con chung là Lê Xuân T3, sinh ngày 10/02/1993 và Lê Trọng N, sinh ngày 07/7/1999. Hai người con chung đều đã trên 18 tuổi. Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ông T1 và bà T2 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc ông T1 phải chịu án toàn bộ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lê Văn T1 khởi kiện yêu cầu xin ly hôn bà Dương Thị Mỹ T2. Bà T2 đang cư trú tại Khu phố 2, thị trấn Đ, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An nên thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về hôn nhân: Ông Lê Văn T1 và bà Dương Thị Mỹ T2 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 03/2014 ngày 06/01/2014 do Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An cấp nên hôn nhân giữa ông T1 với bà T2 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về giải quyết yêu cầu ly hôn của ông Lê Văn T1:

Ông T1 khai nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống và cá tính, mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, kéo dài nhiều năm nay, vợ chồng không tôn trọng nhau và đã ly thân, ông T1 không còn tình cảm gì với bà Dương Thị Mỹ T2, kéo dài cuộc hôn nhân không hạnh phúc này sẽ gây thêm áp lực về tinh thần cho ông T1 nên ông T1 kiên quyết xin ly hôn bà T2.

Bà T2 xác định vợ chồng đã có mâu thuẫn nhưng không lớn, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau, đã ly thân từ tháng 4 năm 2024 đến nay nhưng bà T2 vẫn còn tình cảm với ông T1, bà muốn vợ chồng có cơ hội chăm sóc nhau khi tuổi già nên bà T2 không đồng ý ly hôn ông T1.

Hội đồng xét xử xét thấy: Thời gian vợ chồng mâu thuẫn cũng đã lâu, trước đây vào tháng 7 năm 2024 ông T1 đã nộp đơn khởi kiện ly hôn với bà T2 nhưng sau đó vào ngày 19/9/2024 đã rút đơn khởi kiện. Tòa án đã tạo điều kiện để vợ chồng có cơ hội đoàn tụ với nhau nhưng ông T1 xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà T2 cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân nên ông T1 kiên quyết ly hôn. Mặc dù bà T2 khai vẫn còn tình cảm với ông T1 nhưng tình cảm đó chỉ là một phía bà T2 nên không đảm bảo cho cuộc hôn nhân và đời sống, tình cảm vợ chồng thật sự bền vững về sau. Do đó, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa ông T1 và bà T2 đã có mâu thuẫn đến mức trầm trọng, vợ chồng đã ly thân, không còn chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, ông Lê Văn T1 được ly hôn bà Dương Thị Mỹ T2.

[4] Về con chung: Ông Lê Văn T1 và bà Dương Thị Mỹ T2 có hai người con chung là Lê Xuân T3, sinh ngày 10/02/1993, giới tính: nam và Lê Trọng N, sinh ngày 07/7/1999, giới tính: nam. Hai người con chung đều đã trên 18 tuổi. Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Văn T1 và bà Dương Thị Mỹ T2 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Các đương sự có quyền tự thỏa thuận hoặc khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Ông Lê Văn T1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Dương Thị Mỹ T2 không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T1.

1. Về hôn nhân: Ông Lê Văn T1 được ly hôn bà Dương Thị Mỹ T2.
2. Về con chung: Ông T1 và bà T2 có hai người con chung là Lê Xuân T3, sinh ngày 10/02/1993, giới tính: nam và Lê Trọng N, sinh ngày 07/7/1999, giới tính: nam. Hai người con chung đều đã trên 18 tuổi. Các đương sự đều không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lê Văn T1 và bà Dương Thị Mỹ T2 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Buộc ông Lê Văn T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000479 ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Ông Lê Văn T1 đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bà Dương Thị Mỹ T2 không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Lê Văn T1, bà Dương Thị Mỹ T2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
 - TAND tỉnh Long An;
 - VKSND huyện Đức Huệ;
 - Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
 - UBND thị trấn Đ
- (để ghi vào Sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án;
 - Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thái